

Số: 88/2022/QĐST-HNGĐ

TP. N, ngày 26 tháng 9 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 100/2022/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2022 giữa:

**- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Huyền T**, sinh năm 1985

Địa chỉ: Số nhà 11, ngõ 42, đường D, phố 11, phường Đ, thành phố N.

**- Bị đơn: Anh Nguyễn Hồng K**, sinh năm 1981

Địa chỉ: Số nhà 11, ngõ 42, đường D, phố 11, phường Đ, thành phố N.

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 9 năm 2022.

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 9 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đỗ Thị Huyền T và anh Nguyễn Hồng K.**

**2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

**2.1. Về con chung:** Chị Đỗ Thị Huyền T và anh Nguyễn Hồng K có hai con chung là cháu Nguyễn Hà L1, sinh ngày 23/8/2011 và cháu Nguyễn Huyền L2, sinh

ngày 23/8/2011. Giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Huyền L2 và giao cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Hà L1 cho đến khi các cháu thành niên (đủ 18 tuổi). Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Chị Đỗ Thị Huyền T và anh Nguyễn Hồng K có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Không ai được cản trở chị T, anh K trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

2.2. Về tài sản chung: Chị Đỗ Thị Huyền T và anh Nguyễn Hồng K tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

2.3. Về công nợ chung: Chị Đỗ Thị Huyền T và anh Nguyễn Hồng K không đề nghị Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: Chị Đỗ Thị Huyền T nộp toàn bộ số tiền án phí ly hôn là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng. Số tiền án phí chị T phải nộp được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai thu số AA/2021/0000915 ngày 12/8/2022 tại Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh N; chị T được hoàn lại số tiền 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh NB;
- VKSND TP N;
- THADS TP N;
- Các đương sự;
- UBND xã KT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**  
**Phạm Diệu Oanh**  
**(ĐÃ KÝ)**

